

令和7年度

札幌市立西岡北中学校

R8

## 2月(如月)行事予定

【家庭向け】

※斜字表示は年間行事予定からの変更を意味します。

給食回数	1年	2年	3年
	19	19	17

第1週 C時間割A週			1 年	2 年	3 年	第2週 C時間割B週			1 年	2 年	3 年	第3週 C時間割A週			1 年	2 年	3 年	第4週 C時間割B週			1 年	2 年	3 年	第5週 C時間割A週						
						2日(月)	○	1	g1	g1	g1	9日(月)	○	1	g2	g2	g2	16日(月)	△	1	g1	g1	g1	23日(月)						
						T & P国語演習		2	g2	g2	g2	月2345道		2	g3	g3	g3			2	g2	g2	g2							
								3	g3	g3	g3			3	g4	g4	g4			3	g3	g3	g3	天皇誕生日						
								4	g4	g4	g4			4	g5	g5	g5			4	g4	g4	g4							
								5	g5	g5	g5			5	道	道	道			5	/	/	/							
								6	学	学	学			6	/	/	/	私立B日程下見		*	*	*	*							
						3日(火)	○	1	m1	m1	m1	10日(火) 1・2	○	1	m1	m1	m1	17日(火)	△	1	s1	s1	授	24日(火)	○	1	k1	k1	k1	
						T & P数学演習		2	m2	m2	m2	公立推薦入試日		2	m2	m2	m2	水1234		2	s2	s2	授	火1~5+月5		2	k2	k2	k2	
						木曜授業		3	m3	m3	m3			3	m3	m3	m3			3	s3	s3	授			3	k3	k3	k3	
						西岡小訪問(5)		4	m4	m4	m4	木1234		4	m4	m4	m4	私立B日程1日目		4	s4	s4	授			4	k4	k4	k4	
								5	m5	m5	m5	新入生保護者説明会		5	/	/	/			5	/	/	/			5	k5	k5	k5	
								6	m6	総	総	テスト前諸活動停止		6	/	/	/			*	*	*	*			6	g5	g5	g5	
						4日(水)◆	○	1	k1	k1	k1	11日(水)		18日(水)	○	1	n1	n1	n1	25日(水)	○	1	s1	s1	s1					
						T & P社会演習		2	k2	k2	k2	建国記念日		委員会・局会		2	n2	n2	n2	完全下校		2	s2	s2	s2					
						火1~5+木6		3	k3	k3	k3			金1245+水5		3	n4	n4	n4			3	s3	s3	s3					
								4	k4	k4	k4			私立B日程2日目		4	n5	n5	n5			4	s4	s4	s4					
								5	k5	k5	k5					5	s5	s5	s5			5	s5	s5	s5					
								*	m6	総	総					*	*	*	*			*	*	*	*					
						5日(木)	○	1	s1	s1	s1	12日(木)	△	1	s1	s1	s1	19日(木)	○	1	m1	m1	m1	26日(木)	○	1	m1	m1	m1	
						T & P理科演習		2	s2	s2	s2	水1234		2	s2	s2	s2	全協		2	m2	m2	m2	PTA実行委員会③		2	m3	m3	m3	
						水曜授業		3	s3	s3	s3	私立A日程下見		3	s3	s3	s3			4	m4	m4	m4	1,2年卒業の取り組み(6)		4	m4	m4	m4	
						6組小学生体験		4	s4	s4	s4	6組スケート学習		4	s4	s4	s4			5	m5	m5	m5			5	m5	m5	m5	
						完全下校、NO部活Day		5	s5	s5	s5	テスト前書活動停止		5	/	/	/			6	道	道	道			6	総	総	総	
						6日(金)	○	1	n2	n2	n2	13日(金)	△	1	授	授	授	20日(金)c s	○	1	n1	n1	n1	27日(金)	○	1	n1	n1	n1	
						T & P英語演習		2	n3	n3	n3	1.2年生学年末テスト		2	授	授	授	金1235学		2	n2	n2	n2			2	n2	n2	n2	
						金2~5木5道		3	n4	n4	n4	国英数社理		3	授	授	授	自治的活動実践発表会		3	n3	n3	n3			3	n3	n3	n3	
								4	n5	n5	n5	私立A日程1日目		4	授	授	授	1,2年得点通知表配布		4	n5	n5	n5			4	n4	n4	n4	
								5	m5	m5	m5			5	授	授	*			5	学	学	学			5	n5	n5	n5	
								6	道	道	道			*	*	*	*			*	*	*	*			6	道	道	道	
						7日(土)						14日(土)														28日(土)				
1日(日)						8日(日)						私立A日程2日目																		
						15日(日)																								
						16日(日)																								

※ 凡例: 月…g, 火…k, 水…s, 木…m, 金…n。(例えば月1はg1となります。)

☆ 給食有無の表示 給食あり○ 一部学年あり△ 給食なし×

2026/1/15 9:53